

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v: "Kiện xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Lương

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/ 2019/ QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1, *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hiền H, sinh năm 1978. ĐKNKTT: Tổ dân phố 2, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2, *Bị đơn:* Anh Cao Hồng N, sinh năm 1972. ĐKNKTT: Số 72 T, Tổ dân phố 2, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/4/2019, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Cao Hồng N đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường L, thành phố H vào ngày 06/7/2002, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung cùng nhau tại phường L. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Do quan điểm sống trong gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013. Đến nay chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai người, không ai tin tưởng ai, cuộc sống chung thực sự bế tắc. Vì vậy, nguyện vọng của chị là muốn ly hôn để ổn định cuộc sống.

Trong bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh N trình bày: Ngày tháng năm và nơi đăng ký kết hôn với

chị Nguyễn Thị Hiền H đúng như lời khai của chị H. Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con chung: chị H anh N đều khai có hai con chung là cháu Cao Thị Thanh T, sinh ngày 16/11/2006 và cháu Cao Minh H, sinh ngày 12/7/2008.

Chị H có nguyện vọng được nuôi con Cao Minh H. Chị khai rằng do điều kiện của chị không đảm bảo để nuôi cả hai con, chị phải thuê phòng trọ nên không thể đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu T mà cháu T ốm yếu không tự túc được ăn uống sinh hoạt cá nhân (cháu T là trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng). Anh N có điều kiện nuôi con tốt hơn chị nên đề nghị Tòa án giao con Cao Thị Thanh T cho anh N nuôi, còn chị nuôi con Cao Minh H. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị khai thu nhập của chị mỗi tháng 7.500.000 đồng/tháng.

Anh N có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con. Anh khai rằng vì các con rất cần sự quan tâm chăm sóc của anh trong giai đoạn các con đang trưởng thành. Đặc biệt cháu T ốm yếu không tự túc được ăn uống sinh hoạt cá nhân (cháu T là trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng) mà anh có nơi ở ổn định, có mẹ đẻ ở cùng, có người giúp việc, điều kiện kinh tế của anh cũng đảm bảo nuôi con tốt. Hơn nữa, vì cháu T là trẻ khuyết tật nên cần sự chăm sóc của em trai Cao Minh H. Do đó, anh mong muốn được nuôi cả hai con. Mức cấp dưỡng tùy vào chị H. Anh khai tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp trong năm của anh là 180.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H, anh N cùng khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hai phiên hòa giải. Nhưng việc hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hiền H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Cao Hồng N có đăng ký nhân khẩu thường trú: phường L, thành phố H. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ nhưng

việc hòa giải không đem đến sự thỏa thuận, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 27/8/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Hai bên đương sự đều có mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013, không có trách nhiệm gì với nhau. Chị H xin ly hôn, anh N cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không hòa giải được nên cũng đồng ý ly hôn. Điều đó thể hiện rằng tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N đều khai có hai con chung là cháu Cao Thị Thanh T, sinh ngày 16/11/2006 và cháu Cao Minh H, sinh ngày 12/7/2008.

Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Cao Minh H; anh N có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu là cháu Cao Thị Thanh T và cháu Cao Minh H, tiền cấp dưỡng tùy thuộc vào mẹ cháu. Xét nguyện vọng của anh chị đều là chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện hoàn cảnh hiện nay, anh chị đều là người có công việc, có thu nhập ổn định. Hiện cháu Cao Thị Thanh T là trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, theo trình bày của anh N thì cháu T ốm yếu không tự túc được ăn uống sinh hoạt cá nhân mà anh N có nơi ở ổn định, có mẹ đẻ ở cùng, có người giúp việc, điều kiện kinh tế của anh N cũng đảm bảo nuôi con tốt. Hiện cháu T đang ở cùng anh N, việc ăn ở của cháu đã ổn định. Cháu Cao Minh H có nguyện vọng được ở cùng mẹ H. Do đó, cần giao con chung cho anh chị mỗi người nuôi một cháu, cụ thể anh Cao Hồng N nuôi cháu Cao Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hiền H nuôi cháu Cao Minh H. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn; chị Nguyễn Thị Hiền H thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn thay cho anh Cao Hồng N, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Cao Thị Thanh T, sinh ngày 16/11/2006 cho anh Cao Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Cao Minh H, sinh ngày 12/7/2008 cho chị Nguyễn Thị Hiền H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hiền H và anh Cao Hồng N mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn; chị H thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn thay cho anh N. Số tiền chị H phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0005251 ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND phường Bắc Lý, ĐH, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa